| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 17/2024/DS-PT
Ngày: 23/01/2024
V/v: *"Tranh chấp thừa kế tài sản"*

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Phước Hòa.

*Các thẩm phán:* Ông Phạm Ngọc Thái

Ông Trần Đức Kiên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 565/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Phan Đình V; Địa chỉ: USA.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Hoàng O, sinh năm 1982; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Đặng Thị Ngọc H, Công ty Luật H & Cộng sự, địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Bà Phan Thị Phương A; sinh năm 1970; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng P, sinh năm 1955; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Phan Thị Phương L; địa chỉ: USA.

Đại diện theo uỷ quyền của bà L: Bà Phan Thị Phương A là bị đơn trong vụ án (Văn bản uỷ quyền ngày 28/7/2020). Có mặt.

2. Bà Phan Thị Phương C; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Ông Phan Đình B; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. (ông B chết ngày 21/10/2023)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Đình B:

+ Ông Phan Đình Minh T

+ Bà Phan B Ngọc T.

Cùng địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

4. Ông Phan Đình Quốc T; địa chỉ: USA.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Phương C, ông Phan Đình Minh T, Phan B Ngọc T, Phan Đình Quốc T:* Bà Hồ Thị Hoàng O, sinh năm 1982; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. A Phan Đình H; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

6. Bà Phạm Trịnh Thảo N; địa chỉ: 268 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

7. A Phan Đình Minh Đ; địa chỉ: 268 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Trịnh Thảo N, anh Phan Đình Minh Đ, Phan Đình H:*

Ông Hoàng Kiến A; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Luật sư Nguyễn Ngọc A - Công ty TNHH L, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

***- Người kháng cáo:*** người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Trịnh Thảo N, anh Phan Đình H, anh Phan Đình Minh Đ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2020 và ngày 12/8/2022 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Houston, Hoa Kỳ chứng thực, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Phan Đình V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hồ Thị Hoàng O trình bày như sau:***

Bố mẹ của ông Phan Đình V là cụ ông Phan Đình T, sinh năm 1941, chết ngày 30/8/2009 và cụ bà Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1943, chết ngày 20/7/2018.

Bố, mẹ của cụ Phan Đình T là ông Phan Đình C, chết năm 1969 và bà Trần Thị D, chết năm 2004. Bố, mẹ của cụ Nguyễn Thị Phương M là ông Nguyễn Đắc T, chết năm 2001 và bà Phan Thị U, chết năm 1946.

Cụ ông Phan Đình T và cụ bà Nguyễn Thị Phương M không có con riêng, con nuôi và có 07 người con chung là:

1. Ông Phan Đình V;

2. Bà Phan Thị Phương L;

3. Bà Phan Thị Phương C;

4. Bà Phan Thị Phương A;

5. Ông Phan Đình B;

6. Ông Phan Đình Quốc T;

7. Ông Phan Đình L (sinh năm 1969, chết năm 2017) có vợ tên Phạm Trịnh Thảo N và 02 người con là Phan Đình H (sinh năm 1997) và Phan Đình Minh Đ (sinh năm 2003).

Quá trình chung sống, cụ ông Phan Đình T và cụ bà Nguyễn Thị Phương M có tạo lập được khối tài sản là nhà và đất thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 33, diện tích 377,0m$^2$ tọa lạc tại số 106 (268 mới) Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở ngày 27 tháng 01 năm 2005. Năm 2009, cụ Thuỵ chết không để lại di chúc.

Ngày 18/9/2009 và ngày 22/9/2009, các ông, bà Phan Đình V, Phan Đình Quốc T, Phan Đình L, Phan Thị Phương C đã lập Văn bản tặng cho quyền hưởng di sản thừa kế của cụ T mà họ được hưởng cho cụ M (Văn bản có chứng thực của phòng Công chứng số 1 và Phòng Công chứng số 2 tỉnh Thừa Thiên Huế).

Năm 2018 cụ M chết, trước khi chết cụ M có để lại di chúc được lập vào ngày 26/9/2009 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo nội dung di chúc, cụ M để lại phần tài sản trong khối tài sản chung của vợ chồng, phần tài sản mà cụ M được hưởng thừa kế từ cụ Thuỵ và phần được các ông bà V, T, L, C tặng cho quyền hưởng di sản của cụ T cho 04 người con gồm: Phan Đình V, Phan Thị Phương C, Phan Đình L và Phan Đình Quốc T. Qua sự bàn bạc, thống nhất ý kiến, các anh chị em quyết định để lại căn nhà và thửa đất nêu trên làm nơi thờ tự theo như nguyện vọng của cụ M. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện di chúc, bà Phan Thị Phương A và bà Phan Thị Phương L không đồng ý. Do vậy, ông Phan Đình V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Phan Đình T theo pháp luật và chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Phương M theo di chúc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hồ Thị Hoàng O đề nghị Tòa án giao toàn bộ tài sản nhà, đất tại 268 Đ, phường T, thành phố H cho ông V cùng các ông, bà Phan Thị Phương C, Phan Đình B,

Phan Đình Quốc T được quyền sở hữu và sử dụng. Ông V và các ông bà C, T, B có nghĩa vụ thanh toán giá trị di sản được hưởng cho bà Phan Thị Phương A, Phan Thị Phương L và vợ con của ông Phan Đình L là bà Phạm Trịnh Thảo N, anh Phan Đình H, anh Phan Đình Minh Đ theo quy định của pháp luật.

Về công sức tôn tạo, giữ gìn, bảo quản di sản nguyên đơn đề nghị trích cho bà Phạm Trịnh Thảo N giá trị di sản tương ứng 5% di sản thừa kế.

***Bị đơn bà Phan Thị Phương A trình bày:*** Trước khi chết, bố mẹ bà có tạo lập 04 thửa đất. Một trong 04 thửa đất đó là thửa đất số 105, tờ bản đồ số 33, diện tích 377,0m$^2$ tọa lạc tại 268 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà A và bà Phan Thị Phương L yêu cầu phân chia di sản thừa kế và nhận một phần di sản thừa kế bằng hiện vật là một phần trong toàn bộ diện tích đất mà bố mẹ để lại là 120m$^2$, rộng 6m, dài 20m.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Trọng P đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn bà A trình bày trong khối tài sản của cụ T và cụ M để lại có công sức đóng góp của bà A, bà L, ông L nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh.

***Đại diện theo uỷ quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có bà Phan Thị Phương C, ông Phan Đình B, ông Phan Đình Quốc T là bà Hồ Thị Hoàng O:*** Thống nhất theo như lời trình bày của nguyên đơn.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Phương L: Đ***ề nghị Toà án xét xử công bằng và uỷ quyền cho bà Phan Thị Phương A tham gia tố tụng.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Phạm Trịnh Thảo N trình bày:*** Bà N kết hôn với ông Phan Đình L năm 1994. Sau khi kết hôn, bà và ông Phan Đình L sống chung tại nhà bố mẹ chồng (địa chỉ 268 Đ, phường T, thành phố H). Cụ T chết năm 2009, ông L chết năm 2017, cụ M chết năm 2018. Sau khi ông L, cụ M chết thì bà và 02 con là anh Phan Đình H và anh Phan Đình Minh Đ tiếp tục sinh sống, quản lý, giữ gìn nhà, đất của bố, mẹ để lại. Nay các con của cụ T và cụ M khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế, bà yêu cầu Tòa án giải quyết trích công sức tôn tạo, giữ gìn, bảo quản nhà đất tương ứng với 15% tổng giá trị di sản theo Biên bản định giá của Hội đồng định giá để đảm bảo quyền lợi của bà và hai con. Đối với phần di sản của bố mẹ chồng mà ông L được hưởng nay ông L chết thì bà N đề nghị chia cho bà và hai con. Theo bà N trình bày chồng bà là ông Phan Đình L có đóng góp xây dựng ngôi nhà của bố mẹ nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử cho mẹ con bà được nhận di sản bằng hiện vật để có nơi cư trú.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Đình H và anh Phan Đình Minh Đ***: Thống nhất như ý kiến trình bày của bà N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 17/7/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

*"Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Áp dụng các Điều 633, 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 468, 612, 613, khoản 2 Điều 616, Điều 618, 630, 643, 650, 651, 652, 659, 660 Bộ luật dân sự 2015; Điều 167, 186 Luật đất đai năm 2013; điểm b Điều 3, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:*

*Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Đình V.*

*1. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Phan Đình T là ngày 30/8/2009, cụ Nguyễn Thị Phương M là ngày 20/7/2018.*

*2. Xác định di sản thừa kế của cụ Phan Đình T và cụ bà Nguyễn Thị Phương M là nhà và đất thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 33, diện tích 374,0m$^2$ tọa lạc tại số 268 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có tổng giá trị 15.325.247.115 đồng.*

*3. Trích 10% tổng giá trị di sản của ông Phan Đình T và bà Nguyễn Thị Phương M là chi phí công sức tôn tạo, bảo quản của bà Phạm Trịnh Thảo N số tiền: 1.532.524.000 đồng.*

*4. Giá trị tài sản của cụ Phan Đình Thuy và Phan Thị Phương M còn lại là: 13.792.723.000 đồng, phần mỗi người là: 6.896.361.000 đồng.*

*5. Chia di sản thừa kế của cụ T theo quy định của pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phan Đình T gồm 08 người là cụ Nguyễn Thị Phương M và 07 người con chung là ông Phan Đình V, bà Phan Thị Phương L, bà Phan Thị Phương C, bà Phan Thị Phương A, ông Phan Đình B, ông Phan Đình Quốc T và ông Phan Đình L. Mỗi kỷ phần có giá trị 862.045.000 đồng.*

*6. Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng từ cụ T của ông Phan Đình V, bà Phan Thị Phương C, ông Phan Đình Quốc T và ông Phan Đình L cho cụ Nguyễn Thị Phương M.*

*7. Di chúc lập ngày 26/9/2006 của cụ Nguyễn Thị Phương M có hiệu lực đối với ông Phan Đình V, Phan Đình Quốc T, bà Phan Thị Phương C, không có hiệu lực một phần đối với phần di sản định đoạt cho ông Phan Đình L. Phần di sản định đoạt cho ông Phan Đình L được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và cho anh Phan Đình H, anh Phan Đình Minh Đ (thừa kế thế vị).*

*8. Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Phương M có giá trị 11.206.586.000 đồng.*

*9. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Phương M theo di chúc cho các ông bà Phan Đình V, Phan Thị Phương C, Phan Đình Quốc T mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị 2.801.646.000 đồng.*

*Chia 01 kỷ phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Phương M theo di chúc cho các ông, bà Phan Đình V, Phan Thị Phương C, Phan Đình B, Phan*

*Đình Quốc T, Phan Thị Phương L, Phương Thị Phương A và các con của ông Phan Đình L là anh Phan Đình H và Phan Đình Minh Đ mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị 400.235.000 đồng.*

*10. Phân chia giá trị và hiện vật như sau:*

*Giao toàn bộ nhà và đất tọa lạc tại số 268 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cho các ông, bà Phan Đình V, Phan Thị Phương C, Phan Đình Quốc T, Phan Đình B được quyền sở hữu, sử dụng.*

*- Diện tích đất: 374,0m$^2$.*

*- Nhà: Nhà cấp III, diện tích 283.2m$^2$, kết cấu nhà khung bê tông cốt thép, móng bê tông cốt thép kết hợp xây gạch đá, tường xây gạch, sàn bê tông cốt thép, mái ngói, nền sàn lát gạch.*

*Buộc ông Phan Đình V, bà Phan Thị Phương C, ông Phan Đình Quốc T, ông Phan Đình B có trách nhiệm liên đới thanh toán giá trị (theo phần bằng nhau), cụ thể như sau:*

*- Thanh toán cho bà Phan Thị Phương A, bà Phan Thị Phương L mỗi người số tiền: 1.262.280.000 đồng. Mỗi người phải thanh toán số tiền: 315.570.000 đồng.*

*- Thanh toán cho anh Phan Đình H, anh Phan Đình Minh Đ mỗi người số tiền: 200.117.000 đồng. Mỗi người phải thanh toán: 50.029.000 đồng.*

*Thanh toán cho bà Phạm Trịnh Thảo N số tiền 1.532.524.000 đồng. Mỗi người phải thanh toán: 383.131.000 đồng.*

*(Có bản vẽ kèm theo).*

*Các đương sự có nghĩa vụ phải đăng ký quyền sở hữu tài sản và sử dụng đất với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.*

*11. Bà Phạm Trịnh Thảo N, anh Phan Đình H, Phan Đình Minh Đ được quyền lưu cư tại nhà đất 268 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật."*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí; chi phí định giá, đo đạc, thẩm định; chi phí ủy thác tư pháp; quy định về thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25/7/2023, bà Phạm Trịnh Thảo N kháng cáo; ngày 27/7/2023, ông Phan Đình Minh Đ và ông Phan Đình H kháng cáo. Các ông bà đều kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Thảo N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phan Đình Minh Đ, Phan Đình H tự nguyện xin rút yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thống nhất với nhau về những vấn đề cụ thể là: Đồng ý tăng công sức tôn tạo, bảo quản cho bà Phạm Trịnh Thảo N bằng 01 kỷ phần thừa kế là 14,3% tổng giá trị di sản thừa kế của cụ Phan Đình T và cụ Nguyễn Thị Phương M; Chấp nhận di sản thừa kế là nhà đất tọa lạc tại 268 Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có tổng giá trị là 23.500.000.000 đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Do bà N tăng thêm công sức tôn tạo, bảo quản di sản và tổng giá trị của di sản thừa kế tăng nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Minh Đ, ông Minh H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm thì ông Phan Đình B chết vào ngày 21/10/2023. Theo "*Tờ khai những người thừa kế theo pháp luật*" thì ông Phan Đình B có 02 người con là ông Phan Đình Minh T, bà Phan B Ngọc T, có xác nhận của cán bộ Tư pháp hộ tịch phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Tòa án cấp phúc thẩm đã ban hành "*Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng*" số 203B/TBTL-TA ngày 28/11/2023 để đưa ông Minh T, bà Ngọc T vào tham gia tố tụng và ông bà cũng đã có văn bản trình bày ý kiến và ủy quyền cho bà Hồ Thị Hoàng O tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm toàn bộ các đương sự trong vụ án gồm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn; đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã thống nhất thỏa thuận được với nhau những nội dung sau: Chấp nhận tăng chi phí công sức tôn tạo, giữ gìn, bảo quản di sản thừa kế mà cụ T, cụ M để lại là 14,3% tổng giá trị di sản; Theo "*Chứng thư thẩm định giá*" ngày 10/01/2024, Công ty Cổ phần thẩm định giá Sông Hàn xác định giá trị nhà đất tọa lạc tại 268 Đ, thành phố H có tổng giá trị 29.365.000.000 đồng, nhưng các đương sự thống nhất xác định di sản thừa kế của cụ T, cụ M để lại là nhà đất tọa lạc tại 268 Đ, thành phố H có tổng giá trị là 23.500.000.000 đồng.

Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức, xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Do công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và ông Phan Đình B chết nên Hội đồng xét xử cần phải sửa lại bản án dân sự sơ thẩm như sau:

[3.1] Công sức tôn tạo, giữ gìn, bảo quản di sản mà bà Phạm Trịnh Thảo N được hưởng là 14,3% x 23.500.000.000 = 3.360.500.000 đồng.

Giá trị di sản của cụ T và cụ M còn lại là 23.500.000.000 đồng - 3.360.500.000 đồng = 20.139.500.000 đồng.

Giá trị tài sản của cụ T, cụ M mỗi người được hưởng trong khối tài sản chung của vợ chồng là 20.139.500.000 đồng : 2 = 10.069.750.000 đồng.

[3.2] Phân chia giá trị di sản thừa kế của cụ Phan Đình T: Cụ T chết năm 2009, không để lại di chúc nên người thừa kế theo pháp luật của cụ T gồm cụ Nguyễn Thị Phương M, ông Phan Đình V, bà Phan Thị Phương L, bà Phan Thị Phương C, bà Phan Thị Phương A, ông Phan Đình Quốc T, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Đình B và ông Phan Đình L.

Mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị 10.069.750.000 đồng : 8 = 1.258.718.750 đồng.

[3.3] Phân chia giá trị di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Phương M:

Sau khi cụ T chết năm 2009 và các con là ông Phan Đình V, bà Phan Thị Phương C, ông Phan Đình Quốc T và ông Phan Đình L tự nguyện tặng phần thừa kế từ cụ T cho cụ M nên tổng giá trị tài sản của cụ M gồm: ½ giá trị tài sản chung vợ chồng, 01 kỷ phần thừa kế từ cụ T, 04 kỷ phần được các con tặng cho.

Giá trị tài sản của cụ M gồm: 10.069.750.000 đồng + 6.293.593.750 đồng = 16.363.343.750 đồng.

Ngày 26/9/2009, cụ Nguyễn Thị Phương M lập di chúc; di chúc của cụ M đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 630 Bộ luật dân sự và các đương sự cũng không có kháng cáo. Theo di chúc của cụ M thì cụ chia đều cho các con là ông Phan Đình V, bà Phan Thị Phương C, ông Phan Đình L và ông Phan Đình Quốc T. Do đó, giá trị tài sản mà ông V, bà C, ông L, ông T được hưởng là 16.363.343.750 : 4 = 4.090.835.937,5 đồng.

Tuy nhiên, ông Phan Đình L chết ngày 07/5/2017, cụ M chết ngày 20/7/2018 nên di chúc của cụ M đối với ông L không có hiệu lực. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 652 Bộ luật dân sự để chia phần di sản của ông L cho ông Phan Đình V, bà Phan Thị Phương C, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Đình B, ông Phan Đình Quốc T, bà Phan Thị Phương L, bà Phan Thị Phương A, các con của ông L là anh Phan Đình H, anh Phan Đình Minh Đ là có căn cứ, cũng không có đương sự nào kháng cáo vấn đề này. Mỗi kỷ phần thừa kế của ông Phan Đình L là 4.090.835.937,5 đồng : 7 = 584.405.134 đồng.

[3.4] Tổng giá trị di sản mà mỗi người được hưởng là:

Ông Phan Đình V, bà Phan Thị Phương C, ông Phan Đình Quốc T mỗi người được hưởng 4.090.835.937,5 đồng + 584.405.134 đồng = 4.675.241.071,5 đồng.

Bà Phan Thị Phương A, Phan Thị Phương L, ông Phan Đình B (do ông B chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông B được hưởng) mỗi người được hưởng là 1.258.718.750 đồng + 584.405.134 đồng = 1.843.123.884 đồng.

A Phan Đình H, anh Phan Đình Minh Đ mỗi người được hưởng (thừa kế thế vị của ông Phan Đình L) 584.405.134 đồng : 2 = 292.202.567 đồng.

Bà Phạm Trịnh Thảo N được hưởng công sức bảo quản, tôn tạo di sản là 3.360.500.000 đồng.

[3.5 Về yêu cầu nhận tài sản được chia là hiện vật: Không có đương sự nào kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự không có ý kiến gì về việc thay đổi yêu cầu nhận tài sản được chia bằng hiện vật nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và giữ nguyên như bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm về số giá trị tài sản mà các đương sự được hưởng nên phải sửa án phí dân sự sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

[4.1]. Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với giá trị di sản được hưởng, cụ thể là:

Ông Phan Đình V, Phan Đình Quốc T, Phan Thị Phương C mỗi người phải nộp: 112.000.000 đồng + 0,1% x (4.675.241.071 đồng - 4.000.000.000 đồng) = 112.675.241 đồng.

Bà Phan Thị Phương A, Phan Thị Phương L, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Đình B, mỗi người phải nộp: 36.000.000 đồng + 3% x (1.843.123.884 đồng - 800.000.000 đồng) = 67.293.716 đồng

A Phan Đình H, Phan Đình Minh Đ mỗi người phải nộp: 5% x 292.202.567 đồng = 14.610.128 đồng.

[4.2]. Về án phí đối với công sức giữ gìn di sản:

- Bà Phạm Trịnh Thảo N là người yêu cầu được hưởng công sức giữ gìn, tôn tạo di sản nhưng không phải là người thuộc diện thừa kế theo pháp luật, thừa kế theo di chúc của cụ T, cụ M nên không phải chịu án phí đối với phần công sức được chấp nhận. Tuy nhiên, bà N phải nộp án phí tương ứng với yêu cầu trích công sức không được chấp nhận 0,7% với giá trị 164.500.000 đồng (23.500.000.000 x 0,7%).

Như vậy, số tiền án phí bà N phải nộp là: 164.500.000 x 5% = 8.225.000 đồng.

- Những người thừa kế theo pháp luật và theo di chúc của cụ T, cụ M phải chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản mà người thứ ba (bà N) được hưởng trong khối di sản chia thừa kế với giá trị là 3.360.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền án phí phải nộp là 99.210.000 đồng [72.000.000 đồng + 2% (3.360.500.000 - 2.000.000.000)], chia đều theo tỉ lệ giá trị di sản mà họ được hưởng, cụ thể là:

+ Ông Phan Đình V, bà Phan Thị Phương C, ông Phan Đình Quốc T mỗi người phải chịu: 23,21% x 99.210.000 đồng = 23.026.641 đồng.

+ Bà Phan Thị Phương A, Phan Thị Phương L, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Đình B mỗi người phải chịu: 9,15% x 99.210.000 đồng = 9.077.715 đồng.

+ A Phan Đình H, Phan Đình Minh Đ mỗi người phải chịu 1,45% x 99.210.000 đồng = 1.438.545 đồng.

[4.3]. Tổng số tiền án phí các đương sự phải chịu cụ thể như sau:

Ông Phan Đình V, Phan Đình Quốc T, Phan Thị Phương C mỗi người phải nộp 112.675.241 đồng + 23.026.641 đồng = 135.701.882 đồng.

Bà Phan Thị Phương A, Phan Thị Phương L, ông Phan Đình B mỗi người phải nộp 67.293.716 đồng + 9.077.715 đồng = 76.371.432 đồng.

A Phan Đình H, Phan Đình Minh Đ mỗi người phải nộp 14.610.128 đồng + 1.438.545 đồng = 16.048.673 đồng.

Bà Phạm Trịnh Thảo N phải nộp 164.500.000 x 5% = 8.225.000 đồng.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Tại phiên tòa ông Đình H, Minh Đ tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự thỏa thuận với nhau nên ông Đình H, Minh Đ và bà Thảo N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

C phí thẩm định giá trong giai đoạn xét xử phúc thẩm: 40.000.000 đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Trịnh Thảo N tự nguyện chịu chi phí này và đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản Điều 298, 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Phan Đình H, ông Phan Đình Minh Đ.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Áp dụng các Điều 633, 674, 675, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 468, 612, 613, khoản 2 Điều 616, Điều 618, 630, 643, 650, 651, 652, 659, 660 Bộ luật dân sự 2015; Điều 167, 186 Luật đất đai năm 2013

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Đình V.

1. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Phan Đình T là ngày 30/8/2009, cụ Nguyễn Thị Phương M là ngày 20/7/2018.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ ông Phan Đình T và cụ bà Nguyễn Thị Phương M là nhà và đất thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 33, diện tích 374,0m$^2$ tọa lạc tại số 268 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có tổng giá trị 23.500.000.000 đồng.

3. Trích 14,3% tổng giá trị di sản của ông Phan Đình T và bà Nguyễn Thị Phương M là chi phí công sức tôn tạo, bảo quản của bà Phạm Trịnh Thảo N, tương ứng số tiền: 3.360.500.000 đồng.

4. Giá trị tài sản của cụ ông Phan Đình T và cụ bà Phan Thị Phương M còn lại là: 20.139.500.000 đồng, phần mỗi người là: 10.069.750.000 đồng.

5. Chia di sản thừa kế của cụ T theo quy định của pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phan Đình T gồm 08 người là cụ Nguyễn Thị Phương M và 07 người con chung là ông Phan Đình V, bà Phan Thị Phương L, bà Phan Thị Phương C, bà Phan Thị Phương A, ông Phan Đình B (do ông B chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông B hưởng), ông Phan Đình Quốc T và ông Phan Đình L. Mỗi kỷ phần có giá trị 1.258.718.750 đồng.

6. Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng từ cụ T của ông Phan Đình V, bà Phan Thị Phương C, ông Phan Đình Quốc T và ông Phan Đình L cho cụ bà Nguyễn Thị Phương M.

7. Di chúc lập ngày 26/9/2006 của cụ bà Nguyễn Thị Phương M có hiệu lực đối với ông Phan Đình V, Phan Đình Quốc T, bà Phan Thị Phương C, không có hiệu lực một phần đối với phần di sản định đoạt cho ông Phan Đình L. Phần di sản định đoạt cho ông Phan Đình L được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và cho anh Phan Đình H, anh Phan Đình Minh Đ (thừa kế thế vị).

8. Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Phương M có giá trị 16.363.343.750 đồng.

9. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Phương M theo di chúc cho các ông (bà) Phan Đình V, Phan Thị Phương C, Phan Đình Quốc T, mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị 4.090.835.937,5 đồng.

Chia 01 kỷ phần di sản thừa kế của ông Phan Đình L được hưởng từ cụ Nguyễn Thị Phương M theo di chúc nhưng di chúc bị vô hiệu cho các ông, bà Phan Đình V, Phan Thị Phương C, những người thừa kế của Phan Đình B, Phan Đình Quốc T, Phan Thị Phương L, Phan Thị Phương A và các con của ông Phan Đình L là anh Phan Đình H và anh Phan Đình Minh Đ mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị 584.405.134 đồng.

10. Phân chia giá trị và hiện vật như sau:

Giao toàn bộ nhà và đất tọa lạc tại số 268 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cho các ông, bà Phan Đình V, Phan Thị Phương C, Phan Đình Quốc T, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Phan Đình B được quyền sở hữu, sử dụng.

- Diện tích đất: 374,0$m^2$.

- Nhà: Nhà cấp III, diện tích 283,2$m^2$, kết cấu nhà khung bê tông cốt thép, móng bê tông cốt thép kết hợp xây gạch đá, tường xây gạch, sàn bê tông cốt thép, mái ngói, nền sàn lát gạch.

Buộc ông Phan Đình V; bà Phan Thị Phương C; ông Phan Đình Quốc T; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Đình B có trách nhiệm liên đới thanh toán giá trị (theo phần bằng nhau), cụ thể như sau:

- Thanh toán cho bà Phan Thị Phương A, bà Phan Thị Phương L mỗi người số tiền: 1.843.123.884 đồng. Mỗi người phải thanh toán số tiền: 460.780.971 đồng.

- Thanh toán cho anh Phan Đình H, anh Phan Đình Minh Đ mỗi người số tiền: 292.202.567.000 đồng. Mỗi người phải thanh toán: 73.050.641 đồng.

Thanh toán cho bà Phạm Trịnh Thảo N số tiền 3.360.500.000 đồng. Mỗi người phải thanh toán: 840.125.000 đồng.

(Có bản vẽ kèm theo).

Các đương sự có nghĩa vụ phải đăng ký quyền sở hữu tài sản và sử dụng đất với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

11. Bà Phạm Trịnh Thảo N, anh Phan Đình H, Phan Đình Minh Đ được quyền lưu cư tại nhà đất 268 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

12. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Phan Đình V, ông Phan Đình Quốc T, bà Phan Thị Phương C mỗi người phải chịu 135.701.882 đồng. Ông Phan Đình V được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp 15.784.062 đồng tại Biên lai số AA/2011/005633 ngày 16/3/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (do bà Hồ Thị Hoàng O nộp thay). Ông Phan Đình V phải nộp án phí còn lại là 119.917.820 đồng.

- Buộc bà Phan Thị Phương A, bà Phan Thị Phương L, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Đình B mỗi người phải chịu án phí 76.371.432 đồng.

- Buộc anh Phan Đình H, anh Phan Đình Minh Đ mỗi người phải chịu án phí 14.610.128 đồng.

- Buộc bà Phạm Trịnh Thảo N phải nộp 8.225.000 đồng.

13. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Trịnh Thảo N phải chịu 300.000 đồng án dân sự phúc thẩm, xác nhận bà Phạm Trịnh Thảo N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0000412 ngày 14/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông Phan Đình H phải chịu 300.000 đồng án dân sự phúc thẩm, xác nhận ông Phan Đình H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0000414 ngày 14/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông Phan Đình Minh Đ phải chịu 300.000 đồng án dân sự phúc thẩm, xác nhận ông Phan Đình Minh Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0000413 ngày 14/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

14. C phí thẩm định giá trong giai đoạn xét xử phúc thẩm: 40.000.000 đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Trịnh Thảo N tự nguyện chịu chi phí này và đã nộp đủ.

15. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

16. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đinh Phước Hòa**